

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)	Soạn thảo văn bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Kỹ năng mềm(2)	Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353403023797	Phạm Thị Thúy An	19/07/2008	6.0	6.7	7.2	6.3	6.9	8.9	4.0	5.5	7.4	6.7	Trung bình
02	2353403023798	Trần Phi Băng Băng	13/06/2008	7.2	6.7	6.9	5.8	7.9	8.7	4.5	5.8	5.2	6.5	Trung bình
03	2353403023799	Nguyễn Hoàng Khánh Duy	25/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.1	Yếu
04	2353403023800	Võ Thành Đạt	09/08/2008	5.1	6.9	7.4	6.7	7.7	8.9	5.2	7.2	8.1	7.4	Khá
05	2353403023801	Lâm Ngọc Giàu	06/04/2008	6.1	6.6	8.1	9.0	8.4	8.4	6.7	7.0	8.3	8.0	Giỏi
06	2353403023802	Trần Thanh Hải	08/05/2008	6.6	6.3	7.6	8.4	7.4	8.8	6.4	7.3	7.8	7.8	Khá
07	2353403023803	Hà Lê Bảo Hân	02/10/2008	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	1.1	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
08	2353403023804	Trần Thị Bảo Hân	10/02/2008	5.6	6.4	8.0	8.4	8.5	8.8	7.0	7.6	8.1	8.1	Giỏi
09	2353403023805	Trương Dương Ngọc Huyền	02/04/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6	0.0	0.0	2.9	0.0	0.5	Yếu
10	2353403023806	Trần Nhựt Kha	07/05/1998	0.0	5.4	7.8	6.1	6.0	4.1	6.0	4.5	8.8	5.9	Trung bình
11	2353403023807	Nguyễn Gia Kiệt	22/10/2006	8.0	7.0	8.2	0.0	6.6	0.5	3.2	7.3	6.6	4.1	Yếu
12	2353403023808	Cao Thị Bích Liên	09/08/2008	5.5	7.1	8.4	4.5	8.3	8.7	5.3	6.8	7.2	7.1	Khá
13	2353403023809	Phạm Gia Linh	04/11/2007	5.7	8.3	7.3	3.9	7.8	8.8	4.2	7.2	7.2	6.7	Trung bình
14	2353403023810	Lê Hoàng Mẫn	27/11/2008	8.4	8.5	8.4	6.5	6.6	8.3	5.5	7.0	7.1	7.1	Khá
15	2353403023811	Đặng Thị Thảo My	15/08/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
16	2353403023812	Nguyễn Trần Kim Ngân	27/01/2008	7.0	8.6	8.5	6.3	8.6	8.8	6.1	7.0	5.4	7.3	Khá
17	2353403023813	Lâm Bội Nghi	17/04/2008	9.3	8.7	8.4	5.9	8.4	8.4	7.1	6.9	6.1	7.3	Khá
18	2353403023814	Đỗ Hoài Ngọc	10/10/2008	8.2	6.0	7.1	2.7	2.8	8.4	4.5	6.7	2.6	5.1	Trung bình
19	2353403023815	Trần Lê Bảo Ngọc	01/03/2008	7.0	6.8	6.5	6.3	7.7	4.9	7.7	6.7	5.8	6.4	Trung bình
20	2353403023816	Nguyễn Bảo Nhạn	29/02/2008	7.3	7.0	5.6	5.9	7.4	5.5	4.1	7.6	5.3	5.9	Trung bình
21	2353403023817	Hà Thiện Nhân	16/04/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.1	0.2	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)		Giáo dục QP - An ninh(2)		Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)		Soạn thảo văn bản(2)		Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)		Kỹ năng mềm(2)		Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB	Xếp loại
22	2353403023818	Nguyễn Thiên	Nhiên	16/02/2008	6.0	6.0	5.9	7.1	8.0	9.1	4.2	8.2	6.1	7.2								Khá
23	2353403023819	Lê Thị Huỳnh	Như	27/07/2008	8.2	5.8	6.4	6.0	8.1	8.9	3.5	7.1	4.8	6.6								Trung bình
24	2353403023820	Phạm Ngọc	Như	17/03/2008	8.8	7.2	8.1	5.6	7.2	8.5	2.4	3.1	6.4	5.9								Trung bình
25	2353403023821	Huỳnh Chí	Phong	05/09/2008	5.9	6.8	5.8	5.7	7.1	8.5	3.8	6.7	5.5	6.4								Trung bình
26	2353403023822	Ngô Gia	Phú	22/09/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	1.1	0.9	0.0	0.0	0.0	0.4								Yếu
27	2353403023823	Ngô Trọng	Phúc	31/08/2008	2.2	2.4	4.0	2.6	5.5	0.7	3.4	5.0	6.2	3.7								Yếu
28	2353403023824	Lê Ngọc An	Tâm	03/08/2007	7.3	7.1	6.7	8.9	8.7	8.6	8.0	7.0	7.9	8.1								Giỏi
29	2353403023825	Bùi Cao	Thanh	03/09/2008	8.7	8.3	8.2	8.8	8.6	8.8	6.9	7.5	8.0	8.2								Giỏi
30	2353403023826	Nguyễn Phú	Thành	30/10/2008	5.2	8.2	7.6	6.8	8.6	9.1	6.8	5.7	6.2	7.4								Khá
31	2353403023827	Trần Quốc	Thuận	11/12/2008	7.4	6.9	8.0	5.8	8.0	8.9	4.1	5.5	8.2	7.0								Khá
32	2353403023828	Phan Thị Anh	Thư	27/01/2007	5.8	7.7	7.3	4.0	7.0	8.7	3.6	6.8	7.4	6.5								Trung bình
33	2353403023829	Trần Nguyễn Quỳnh	Thy	13/11/2008	7.8	8.4	7.2	6.9	8.3	8.9	4.8	7.4	7.9	7.5								Khá
34	2353403023830	Nguyễn Thị Diễm	Trang	08/09/2008	5.3	7.4	7.2	6.4	8.7	8.7	6.4	6.7	7.3	7.5								Khá
35	2353403023831	Hứa Mỹ	Tiên	13/08/2005	5.3	8.7	8.6	6.9	8.1	9.3	6.4	6.3	6.0	7.4								Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái